

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2018/HCST
Ngày: 26/11/2018
V/v khiếu kiện: “Quyết định
hành chính, hành vi hành
chính về đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội Xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Danh Lợi;
Ông Nguyễn Trọng Hùng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đình Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2018/TLST-HC ngày 17 tháng 4 năm 2018 về việc khiếu kiện: “Quyết định hành chính; hành vi hành chính về quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST-HC ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Công M, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Nhiệm - Phó Chủ tịch UBND huyện T (Giấy ủy quyền số 1247/GUQ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch UBND huyện T).

2.2. Chủ tịch UBND và UBND xã H, huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đình Phương - Chủ tịch UBND xã H, huyện T.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Công Đ, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số nhà 29 phố Hàng Đường, quận H, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Đỗ Xuân Đảm và Luật sư Hoàng Thị Oanh - Công ty Luật TNHH Lion - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Phòng 520 Tòa nhà 187 Nguyễn Lương Bằng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

3.2. Ông Lê Công Đ, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn Hạnh Phúc, xã H huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Phan Huy P;

4.2. Ông Phùng Sỹ Q;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

4.3. Ông Lê Hữu Nh;

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

4.4. Ông Bùi Ngọc V;

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

4.5. Ông Lê Công N;

4.6. Ông Lê Công Đồng;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa: Có mặt ông Lê Công M, ông Lê Công Đ, ông Lê Công Đ, Luật sư Hoàng Thị O; ông Phạm Văn N và ông Lê Đình P có đơn đề nghị xử vắng mặt; những người làm chứng vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 02/4 /2018, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, ông Lê Công M yêu cầu Tòa án giải quyết:*

- Hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 1520/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện T đối với ông Lê Công D và ông Lê Công M (sau đây gọi tắt là QĐGQKN số 1520);

- Hủy QĐGQKN số 04/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của Chủ tịch UBND xã H đối với ông Lê Công D và ông Lê Công M (sau đây gọi tắt là QĐGQKN số 04);

- Hủy Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 27/11/2000 của UBND xã H về việc: "Hủy bỏ Biên bản bàn giao đất và các hồ sơ liên quan đến việc giao đất thanh lý tại khu đất UBND xã cũ" (sau đây gọi tắt là Quyết định số 108);

- Yêu cầu Tòa án hủy toàn bộ Phiếu thu tiền, Biên bản giao đất kèm hồ sơ giao đất do UBND xã H lập mang tên ông Lê Công Đ và công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông theo quy định của Luật đất đai.

Lý do khởi kiện: Nguồn gốc khu đất tại thửa số 152, Tờ bản đồ 03, Bản đồ địa chính xã H năm 1993 là của ông bà nội ông. Năm 1980 UBND xã H chuyển trụ sở đến khu đất này, năm 1996 UBND xã chuyển nơi làm việc mới, khu nhà đất trên cho các cô giáo ở trọ. Năm 2000 do nhà bị sập nên UBND xã bán thanh lý toàn bộ khu đất, khi đó bố ông là ông Lê Công B là người sinh ra trên khu đất và đang ở liên kế đã nộp tiền mua theo Phiếu thu tiền ngày

24/11/2000, số tiền 15.000.000đ, diện tích 2.911,4m² và được UBND xã giao đất theo Biên bản giao đất ở ngày 24/12/2000 có sơ đồ kèm theo. Sau khi mua đất anh trai ông là Lê Công Đ đã sử dụng để trồng lạc và rau màu. Năm 2002 bố ông chết không để lại di chúc.

Ngày 29/12/2015, ông Lê Công Đ câu kết với UBND xã H huy động lực lượng đến tranh chấp với gia đình ông và xây tường bao quanh khu đất. Công an thôn Hạnh Phúc đã lập biên bản yêu cầu ông Đ dừng việc xây dựng nhưng không được. Gia đình ông có nhiều đơn khiếu nại gửi đến UBND huyện T, ngày 11/01/2016 UBND huyện đã ban hành công văn số 37/UBND -TD giao cho UBND xã H giải quyết theo thẩm quyền, nhưng đến ngày 05/01/2017, UBND xã H mới báo cáo UBND huyện kết quả giải quyết nhằm kéo dài thời gian tạo dựng hồ sơ cho ông Lê Công Đ, cụ thể: Chủ tịch UBND xã H đã tùy tiện ban hành Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 27/11/2000 về việc: “Hủy bỏ Biên bản bàn giao đất và các hồ sơ liên quan đến việc giao đất thanh lý tại khu đất UBND xã H cũ”, Đthời dựng không Phiếu thu tiền đề ngày 24/11/2000 và “Biên bản giao đất ở” đề ngày 25/12/2000 cho ông Đ(trong Biên bản giao đất còn tăng diện tích lên 3.377,2m²) mà gia đình ông không hay biết. Theo ông, các Quyết định, Biên bản, Phiếu thu mà Chủ tịch UBND xã H tạo dựng cho ông Đ là bất hợp pháp vì không có bất cứ tài liệu nào chứng M bố ông mua hộ đất, hoặc đã chuyển nhượng đất cho ông Đ, Đthời việc lập các giấy tờ cho ông Đ được làm sau khi đã xảy ra tranh chấp, vì quá trình giải quyết tranh chấp, tại 03 buổi làm việc do UBND xã tổ chức ông Đ chưa cung cấp được bất cứ tài liệu gì. Gia đình ông có nhiều đơn tố cáo, khiếu nại đối với Quyết định 108, đến ngày 15/01/2018 Chủ tịch UBND xã H mới ban hành QĐGQKN số 04 không chấp nhận khiếu nại của ông. Anh em ông tiếp tục khiếu nại và ngày 19/3/2018 được Chủ tịch UBND huyện T ban hành QĐGQKN số 1520. Trong QĐGQKN của Chủ tịch UBND huyện đã khẳng định Quyết định 108 của UBND xã H là không đúng, nhưng UBND huyện không hủy luôn Quyết định 108 mà lại giao cho Chủ tịch UBND xã H tự ban hành Quyết định hủy bỏ như vậy là còn né tránh và làm kéo dài việc tranh chấp.

**Tại văn bản số 1376/UBND -TTra ngày 17/5/2018 và quá trình giải quyết tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện T trình bày:*

- Về yêu cầu của ông Lê Công M hủy một phần QĐGQKN số 1520 của Chủ tịch UBND huyện T: Đầu năm 2017, UBND huyện T nhận được đơn khiếu nại của ông Lê Công D và ông Lê Công M đối với QĐGQKN số 04 của Chủ tịch UBND xã H và Quyết định số 108 của UBND xã H về việc “Hủy bỏ biên bản giao nhận đất và các hồ sơ liên quan đến việc giao đất thanh lý tại khu UBND xã H cũ” đối với ông Lê Công B. Qua tiến hành làm việc và xác M nội dung khiếu nại, nhận thấy Quyết định số 108 về việc hủy bỏ Biên bản bàn giao đất cho ông B là không có cơ sở, không có tài liệu nào thể hiện ý kiến của ông Lê Công B về việc Đ chuyển hồ sơ mua đất sang tên ông Lê Công Đ. Việc ông Đ nhờ ông B đứng tên hồ sơ mua đất là quan hệ dân sự, nhưng UBND xã H lại ban hành Quyết định 108 là Quyết định hành chính để giải quyết khi chưa được sự Đthuận của các bên là không đúng. Việc giải quyết tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án. Do đó QĐGQKN 1520 đã Quyết định:

+ Việc UBND xã H ban hành Quyết định số 108 về việc hủy bỏ biên bản giao nhận đất và các hồ sơ liên quan đến việc giao đất thanh lý tại khu UBND xã H cũ cho ông Lê Công B là không đúng. Việc giải quyết tranh chấp ai là người nộp số tiền 15.000.000đ mua đất trái thẩm quyền khu vực UBND xã H cũ giữa ông Lê Công Đ và những người thừa kế của ông Lê Công B thuộc thẩm quyền của TAND theo quy định của pháp luật dân sự.

+ Yêu cầu Chủ tịch UBND xã H căn cứ các quy định của pháp luật ban hành Quyết định hủy bỏ Quyết định số 108 và hồ sơ liên quan đến việc giao đất thanh lý tại khu UBND xã H cũ cho ông Lê Công Đ.

Do thiếu sót, QĐGQKN 1520 chưa xem xét đến QĐGQKN số 04 của Chủ tịch UBND xã H nên Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 2608) bổ sung một số nội dung của QĐGQKN 1520 như sau:

Bổ sung vào Điều 1: “ Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Công Đ và ông Lê Công M là không đúng”.

Bổ sung vào Điều 2: “Yêu cầu Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Công Đ và ông Lê Công M”.

- Về yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất: Thừa đất mà ông Lê Công M đề nghị công nhận quyền sử dụng được UBND xã H bàn giao không đúng thẩm quyền năm 2000, trên thực tế đang có tranh chấp về người nộp tiền thực hiện nghĩa vụ tài chính. Ông Lê Công Đ cho rằng ông là người nộp số tiền 15.000đ mua đất, ông Đức, ông M cũng cho rằng người nộp tiền mua đất là ông Lê Công B. Việc giải quyết tranh chấp trước hết do hai bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì khởi kiện đến TAND để được giải quyết. UBND huyện T chỉ công nhận quyền sử dụng đất sau khi có quyết định, bản án có hiệu lực của Tòa công nhận ai là người nộp số tiền trên.

**Tại văn bản ý kiến số 47/UBND ngày 16/5/2018 và quá trình giải quyết tại Toà án, Chủ tịch UBND xã H trình bày:*

Năm 1999 UBND xã H chuyển Trụ sở đến nơi mới và có chủ trương bán thanh lý khu đất cũ. UBND xã có Tờ trình và được UBND huyện T giao cho Phòng Tài chính kế hoạch hướng dẫn làm thủ tục thanh lý theo quy định, nhưng trong khi chưa hoàn thiện thủ tục thì UBND xã H đã tiến hành bán thanh lý đất trái thẩm quyền. Ông Lê Công Đ là người có đơn xin mua đất và được UBND xã H thống nhất bán thanh lý khu đất kèm theo hội trường cũ cho ông Đ với số tiền 15.000.000đ. Theo các cán bộ UBND xã cũ, thời điểm đó ông Đ không có hộ khẩu tại xã H nên nhờ ông Lê Công B (là bác ruột) đứng tên, ông Đ là người nộp tiền sau đó ông Đ đề nghị UBND xã chuyển toàn bộ hồ sơ mua đất sang tên ông Đ và ngày 27/11/2000 UBND xã H đã ban hành Quyết định số 108

về việc: “Hủy bỏ biên bản bàn giao nhận đất và các hồ sơ liên quan đến việc giao đất thanh lý tại khu UBND xã H cũ” và làm lại hồ sơ mua đất mang tên ông Đ.

Đầu năm 2017 ông Lê Công D và ông Lê Công M có đơn khiếu nại về việc UBND xã H ban hành Quyết định số 108 khi chưa được sự Đ ý của gia đình các ông. Chủ tịch UBND xã H đã ban hành QĐGQKN số 04, ông Đ, ông M tiếp tục khiếu nại và được Chủ tịch UBND huyện T ban hành QĐGQKN số 1520 và Quyết định số 2608 bổ sung một số nội dung của QĐGQKN 1520. Thực hiện QĐGQKN số 1520 và Quyết định 2608, UBND xã H đã ban hành Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 về việc hủy bỏ Quyết định số 108 và ngày 14/5/2018 đã ban hành Quyết định số 55/QĐ-UBND hủy bỏ QĐGQKN số 04.

Theo hồ sơ địa chính năm 1993, khu đất đang tranh chấp thuộc thửa số 152, tờ bản đồ 03, diện tích nguyên thửa 4.966m², sổ mục kê là HTX. Theo bản đồ địa chính đo vẽ năm 2006, khu đất hiện nay thuộc tờ bản đồ số 12, được chia thành thửa 135, diện tích nguyên thửa 2.174m² loại đất ONT, mục kê ghi tên Lê Công Đ và thửa 322, diện tích nguyên thửa 290m², loại đất ONT, mục kê ghi tên Lê Công Đ và một phần của ngõ đi. Toàn bộ diện tích đất chưa được cấp GCNQSDĐ.

UBND xã H thống nhất với quan điểm của Chủ tịch UBND huyện T, thửa đất mà ông Lê Công M đề nghị công nhận quyền sử dụng đất được UBND xã H giao không đúng thẩm quyền, thực tế đang có tranh chấp về người nộp tiền thực hiện nghĩa vụ tài chính. Nếu hai bên không thỏa thuận được thì khởi kiện đến TAND để được giải quyết

** Tại Bản tự khai ngày 11/05/2018 và quá trình giải quyết tại Tòa án, ông Lê Công Đ trình bày:*

Ông là người quê gốc ở thôn Hạnh Phúc, xã H, năm 1975 ông thoát ly nên không còn hộ khẩu ở xã. Năm 2000 được biết UBND xã có chủ trương bán thanh lý khu đất Trại sở cũ nên ông có đơn xin mua. Đầy, UBND xã H đã thống nhất bán thanh lý khu đất kèm hội trường UBND xã cũ cho ông với số tiền 15.000.000đ. Do không tiện đứng tên nên ông nhờ ông Lê Công B là bác ruột đứng tên trên giấy tờ mua đất, ông B Đ ý. Ông có làm bản giao kèo với xã là khi nào cần thì đổi tên sang cho ông thì ông mới mua và cán bộ xã đã Đ ý.

Ngày 24/11/2000 ông là người trực tiếp nộp tiền cho UBND xã, người viết phiếu thu là ông Lê Đình Phương (nay là Chủ tịch UBND xã), chữ ký và tên tại mục “Người nộp tiền” ghi Lê Công B là do ông viết; Biên bản giao đất ở ngày 24/12/2000 tại mục “Chủ hộ nhận đất ở” ghi Lê Công B do ai viết thì ông không rõ. Sau đó do gia đình ông không Đ ý để ông B đứng tên nên ông đã đề nghị UBND xã H chuyển hồ sơ tên ông B sang tên ông. Khi đó ông B còn sống và Đ ý, nhưng có thiếu sót không lập biên bản về ý kiến thỏa thuận của ông B. UBND xã H đã ban hành Quyết định số 108 để hủy bỏ các thủ tục mang tên ông B và cấp lại cho ông, Quyết định 108 đã gửi cho ông B Đ thời thu hồi phiếu thu mang tên Lê Công B. Ông Lê Công D và Lê Công M khiếu nại Quyết định 108 đã được Chủ tịch UBND xã H ban hành QĐGQKN số 04 kết luận: Việc ông Lê

Công ĐĐý để ông Lê Công B đứng tên trên các giấy tờ liên quan tại khu UBND xã H cũ là đúng.

Thời điểm mua thanh lý còn có hội trường lớn của Ủy ban khoảng 200m². Sau khi mua ông giao lại cho anh trai và chị gái quản lý toàn bộ khu đất để trồng hoa màu. Năm 2015 ông về xây dựng thì ông Lê Công M tranh chấp và được UBND xã hòa giải nhưng không thành. Những lần ông xây dựng UBND xã có lập biên bản và Quyết định ngăn chặn không cho xây dựng. Tuy nhiên hiện nay trên đất đã có công trình gồm: tường rào bao quanh, cổng, nhà, giếng nước.

Về Biên bản họp gia đình ngày 26/11/2000 mà ông M cung cấp cho Tòa án, lúc đó ông đang bị ốm nên ông M lừa ông bảo ông ký vào tờ giấy trắng để đi bó, sau đó lập không ra biên bản đó. Bản thân ông là người bỏ tiền ra mua khu đất đó, nhưng do sơ suất lúc ông B còn sống đã không lập biên bản xác nhận nên đến nay xảy ra tranh chấp. Ông đề nghị ông M và ông D nộp lại toàn bộ giấy tờ gốc: Phiếu thu tiền, Biên bản bàn giao đất mang tên ông Lê Công B để kiểm tra lại và hủy bỏ.

**Ngày 17/10/2018, ông Lê Công Đ có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết:*

1. Hủy QĐGQKN số 1520/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện T;

2. Hủy Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 của UBND xã H về việc hủy bỏ Quyết định số 108/QĐ-UBND của UBND xã H.

3. Hủy Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND huyện T về việc bổ sung một số nội dung của QĐGQKN số 1520;

4. Hủy Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của UBND xã H về việc hủy bỏ QĐGQKN số 04 giải quyết khiếu nại của ông Lê Công D và ông Lê Công M.

**Ông Lê Công Đức:* Thống nhất với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công M.

** Những người làm chứng theo đề nghị của ông Lê Công Đ gồm:*

Ông Phan Huy Phú (nguyên Chủ tịch UBND xã H); ông Bùi Ngọc V (nguyên Phó Chủ tịch UBND xã H); ông Lê Hữu Nh (nguyên Cán bộ địa chính xã); ông Phùng Sỹ Q (nguyên Thủ quỹ UBND xã) đều thống nhất với lời khai của ông Lê Công Đ, xác định thời điểm UBND xã thông báo thanh lý khu đất sau 01 tháng chỉ duy nhất ông Lê Công Đ có đơn xin mua đất và trực tiếp nộp tiền, nhưng do ông Đ không có hộ khẩu tại địa phương nên nhờ bác ruột là ông Lê Công B đứng tên. Sau đó do gia đình không Đ ý nên ngày 27/11/2000 ông Đ quay lại xin Ủy ban đổi lại thủ tục mang tên mình. UBND xã đã căn cứ vào đơn của ông Đ ra Quyết định 108 hủy bỏ toàn bộ thủ tục cũ và lập lại thủ tục mới mang tên ông Đ. Khi thay đổi hồ sơ, Ủy ban xã có xuống trao đổi với ông Lê Công B (khi đó ông B đang ốm nằm trên giường) và được ông B Đ ý.

** Những người làm chứng theo đề nghị của ông Lê Công M gồm:*

- Ông Lê Công Ban trình bày: Ông là anh em con chú, con bác với ông Lê Công Đ và ông Lê Công M. Về thủ tục mua bán khu đất thanh lý của Ủy ban ông không rõ. Về cuộc họp tại gia đình ngày 26/11/2000 do ông Lê Công B triệu tập, do bố ông là ông Lê Công Viên bị mệt nên ông đi thay. Những người tham gia cuộc họp nay đã chết gồm ông Lê Công B, ông Lê Công Ng, ông Lê Công Sắc. Cuộc họp vào tối muộn, sau khi thông báo việc mua đất nội dung như ghi trong Biên bản thì ông B đi nằm nên không ký, ông Lê Công Ng không ký vì tay run, các thành viên còn lại trong đó có ông, ông Lê Công Đ đều ký và ông Lê Công M là người viết Biên bản.

- Ông Lê Công N trình bày: Ông Lê Công M và ông Lê Công Đ đều là chú họ của ông. Thời điểm UBND xã thanh lý gia đình ông cũng có đơn xin mua nhưng UBND xã thống nhất thanh lý cho ông Lê Công B là gia đình Liệt Sỹ. Khi UBND xã đo đạc và giao đất cho ông B, ông có tham gia ký vào Biên bản giao đất với tư cách là hộ liên kề không có tranh chấp. Việc ai trả tiền mua đất ông không biết, sau đó anh em có giao cho ông, ông Lê Công Đ (con ông B) và ông Lê Công Ng (anh ông Đ) tham gia canh tác đóng tiền làm giỗ các cụ. Đầu năm 2016 ông Lê Công Đ về xây tường, ông có đặt vấn đề đổi một phần cho vuông đất, cháu ông Đ viết giấy thỏa thuận, ông không đọc nhưng đã ký. Theo ông giấy này chỉ là nội bộ vì không có xác nhận của chính quyền địa phương, trong giấy có ghi UBND xã thanh lý cho ông Đ là không đúng, vì đã có sơ đồ và Biên bản giao đất cho ông Lê Công B có chữ ký của ông là hộ liên kề.

- Ông Lê Công Đ trình bày: Khu đất ông Lê Công M và ông Lê Công Đ đang tranh chấp có nguồn gốc của ông nội ông, sau khi chết giao lại cho ông Lê Công D, sau khi ông D chết thì UBND xã xây Trụ sở. Khoảng năm 2000 trụ sở dột nát nên UBND xã di chuyển sang chỗ mới. Do đất có nguồn gốc của ông nội ông nên UBND xã thống nhất bán thanh lý cho bố ông là Lê Công B với giá 15.000.000đ. Thời gian đó ông Đ ở Hà Nội không tham gia thương lượng trao đổi gì, đến khi ông M thông báo hôm tiến hành đo đạc và giao tiền ông Đ mới có mặt. Phía UBND xã có ông Bùi Ngọc V, ông Lê Hữu Nh và 03 nhân viên ông không biết tên, phía gia đình ông có ông, ông M, ông Đ, ông Viên và cháu N. Sau khi đo đạc, đoàn trở về nhà ông thì ông Phùng Sỹ Q đến thu tiền, ông M đưa tiền cho ông trực tiếp nộp thay cho bố ông, ông Q viết phiếu thu mang tên bố ông còn ông Lê Hữu Nh giao sơ đồ vừa vẽ. Khoảng 01 tháng sau do bố ông già nên ông và ông M mới lên xã lấy Biên bản giao đất cho bố ông. Sau khi nộp tiền mua đất, bố ông đã triệu tập cuộc họp có sự tham gia của ông Sắc, ông M, ông Đ, ông Ban. Bố ông yếu mắt kém, ông Ng tay run nên không ký. Tại cuộc họp bố ông đã giao cho 08 anh em quản lý chung, ai sản xuất thì phải đóng tiền làm giỗ ông bà nội. Ông không biết việc ông Đ mua đất và nhờ bố ông đứng tên, khoảng năm 2016, 2017 khi ông M, ông Đ khiêu nại ông mới biết có một bộ hồ sơ khác mang tên ông Đ. Ngày 06/3/2016, ông Đ có về nhờ ông viết giấy xác nhận số tiền 15.000.000đ nộp cho Ủy ban là do ông Đ nộp, ông có thắc mắc thì ông Đ nói giấy đó không quan trọng và 03 giấy gốc UBND xã bán đất cho bố ông ông Đ đang giữ, ông Đ hứa sau này ông xây quán sẽ giúp đỡ. Do uống nhiều rượu nên ông đã viết theo lời ông Đ, lần đầu ông viết sai, năm 2016 viết thành năm 2015 nên đã bỏ đi viết lại,

nhưng ông Đ nhất lại nên hiện nay có 02 giấy cùng nội dung chỉ khác ngày, tháng, năm.

Sau khi nhận được Thông báo của TAND tỉnh Thanh Hóa về nội dung đơn yêu cầu độc lập của ông Lê Công Đ, tại Công văn số 65/UBND ngày 05/11/2018 của Chủ tịch UBND xã H và Công văn số 3589/UBND ngày 07/11/2018 của người đại diện theo ủy quyền Chủ tịch UBND huyện T vẫn bảo lưu quan điểm đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Công Đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông Lê Công M rút yêu cầu yêu cầu hủy Quyết định 108 của UBND và QĐGQKN số 04 của Chủ tịch UBND xã H. Yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định GQKN số 1520 của Chủ tịch UBND huyện T (hủy gạch đầu dòng thứ 2 của Điều 1); yêu cầu hủy Phiếu thu, Sơ đồ khu đất, Biên bản giao đất mang tên ông Lê Công Đ do UBND xã H lập trái pháp luật; yêu cầu công nhận Phiếu thu và hồ sơ giao đất mang tên bố ông là duy nhất và hợp pháp.

- Ông Lê Công Đ vắng mặt không rút đơn yêu cầu độc lập.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của ông Đ đề nghị Hội Đ xét xử sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Lê Công Đ, vì Quyết định 108 được UBND xã H ban hành đúng pháp luật, ông Lê Công B đã được nhận, thời hiệu khiếu nại đã hết nên ông Đức, ông M không có quyền khiếu nại.

- Kiểm sát viên VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội Đ xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức đối thoại, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến tại phiên tòa sơ thẩm; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính (sau đây gọi tắt là Luật TTHC).

Về nội dung: Đề nghị Hội Đ xét xử sơ thẩm căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật TTHC: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Lê Công M, tuyên hủy Phiếu thu, Biên bản giao đất do UBND xã H lập mang tên Lê Công Đ; bác đơn của ông Lê Công Đ yêu cầu hủy QĐGQKN 1520 và QĐGQKN bổ sung số 2608 của Chủ tịch UBND huyện T; yêu cầu hủy Quyết định số 50 và Quyết định số 55 của UBND xã H. Về án phí giải quyết theo Nghị quyết 326/UBTVQH14 (có Bản phát biểu kèm theo).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện: Các Quyết định của Chủ tịch UBND huyện T bao gồm: QĐGQKN số 1520; Quyết định 2608 về việc bổ sung một số nội dung của QĐGQKN 1520; các Quyết định của Chủ tịch UBND và UBND xã H bao gồm: Quyết định số 108 về việc: “Hủy bỏ Biên bản bàn giao

đất và các hồ sơ liên quan đến việc giao đất thanh lý tại khu đất UBND xã cũ”; QĐGQKN số 04 giải quyết khiếu nại của ông Lê Công Đ, Lê Công M đối với Quyết định 108; Quyết định số 50 về việc hủy bỏ Quyết định 108 và Quyết định số 55 về việc hủy bỏ QĐGQKN số 04 là Quyết định hành chính của cơ quan và người có thẩm quyền về đất đai, nội dung các Quyết định có liên quan chặt chẽ với nhau và còn thời hiệu khởi kiện, do đó cần được giải quyết trong cùng vụ án thuộc thẩm quyền TAND tỉnh (khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116 Luật TTHC).

[2] Quá trình giải quyết, ông Lê Công M rút yêu cầu hủy Quyết định số 108 và QĐGQKN số 04 của UBND xã H (do đã được UBND xã H ban hành Quyết định số 50 hủy bỏ Quyết định 108 và Quyết định số 55 hủy bỏ QĐGQKN số 04). Do đó Hội Đ xét xử sơ thẩm đình chỉ giải quyết một phần đơn khởi kiện của ông Lê Công M.

[3] Xét nội dung ông Lê Công M yêu cầu hủy một phần QĐGQKN số 1520 của Chủ tịch UBND huyện T thấy rằng:

[3.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành Quyết định GQKN số 1520 của Chủ tịch UBND huyện T được thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011.

[3.2] Về căn cứ ban hành QĐGQKN 1520: Nguồn gốc đất các bên đang tranh chấp thuộc thửa số 152, tờ bản đồ 03, bản đồ địa chính năm 1993, diện tích nguyên thửa 4966m², chủ sử dụng là UBND xã H. Trước đây Trụ sở UBND xã nằm trên một phần thửa đất, năm 2000 UBND xã H chuyển Trụ sở và có Tờ Trình đề nghị UBND huyện T cho quy hoạch khu đất ở của UBND xã cũ (BL114). Theo các cán bộ UBND xã cũ và ông Lê Công Đ thì thời điểm năm 2000, ông Đ là người có đơn xin mua đất và là người nộp số tiền 15.000.000đ, nhưng do không có hộ khẩu nên nhờ ông Lê Công B là bác ruột đứng tên, do đó UBND xã H đã lập Phiếu thu số 46 ngày 24/11/2000 ghi tên người nộp tiền và Sơ đồ khu đất là ông Lê Công B (BL116,117). Cũng theo ông Đ, sau đó gia đình ông không Đ ý để người khác đứng tên nên ông đã yêu cầu UBND xã làm lại Phiếu thu, Biên bản giao đất mang tên ông, do đó UBND xã đã ban hành Quyết định 108 để hủy bỏ Biên bản giao đất và hồ sơ liên quan mang tên ông B và làm lại Phiếu thu, Biên bản giao đất mang tên ông, ông B đã biết và Đ. Tuy nhiên xem xét tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp không có tài liệu nào thể hiện việc ông B đã biết và Đ ý cho UBND xã làm lại hồ sơ mua đất mang tên ông Đ, mà tại “Biên bản họp gia đình” ngày 26/11/2000 thể hiện việc ông B thông báo ông đã bỏ tiền ra mua đất và nhà khu vực ủy ban xã, tuyên bố đất này là đất hương hỏa và giao cho 08 người con, cháu quản lý; giao ông S thu tiền để làm quỹ trước ngày giỗ bà nội; những người đăng ký sử dụng đất phải đóng góp hàng năm. Biên bản có ông Lê Công B, Lê Công Đ, Lê Công S, Lê Công M và ông Lê Công Đ cũng tham gia ký tên (BL82). Tại phiên đối thoại ngày 04/6/2018, Chủ tịch UBND xã H ông Lê Đình Ph (nguyên Kế toán trưởng) trình bày: Tháng 12/2000 ông là người trực tiếp viết Phiếu thu mang tên ông Lê Công B, khoảng 01 tháng sau Chủ tịch UBND xã (ông Phan Huy P chỉ đạo ông viết lại Phiếu thu mang tên

Lê Công Đ vì ông Đ là người mua đất, do suy nghĩ đơn giản nên vẫn lấy Phiếu thu số 46 ngày 24/11/2000 (BL189), theo đó thì việc viết lại Phiếu thu cho ông Đ phải là khoảng 24/12/2000, chứ không phải là ngày 24/11/2000 như ông Phan Huy Ph trình bày. Mặt khác, Quyết định 108 ghi ngày ban hành 27/11/2000, nhưng Phiếu thu ghi tên ông Đ đề ngày 24/11/2000 là trước ngày ban hành Quyết định 108, nhưng ngày 24/12/2000 UBND xã mới lập “Biên bản giao đất ở” cho ông Lê Công B (BL121,122,171); ngoài ra, theo ông Đ thì ông đã có giao kèo với UBND xã, nhưng xem xét “Đơn xin xác nhận” đề ngày 20/11/2000 của ông Đ thì đây là thời điểm UBND xã chưa thu tiền, chưa đo đạc và chưa lập Biên bản giao đất, nhưng trong đơn này đã thể hiện ông “có hồ sơ và diện tích cụ thể kèm theo” là không phù hợp (BL120). Như vậy, giữa Quyết định 108 với Phiếu thu và hồ sơ giao đất liên quan ghi tên ông Lê Công Đ là mâu thuẫn nhau và không hợp lệ. Do đó tại Điều 1 của QĐGQKN 1520 đã nêu: *“Việc UBND xã H ban hành Quyết định số 108 hủy bỏ biên bản giao nhận đất và các hồ sơ liên quan đến việc giao đất thanh lý tại khu UBND xã H cũ cho ông Lê Công B là không đúng”*(BL102). Nội dung giải quyết của Chủ tịch UBND huyện T là có cơ sở.

[4] Về căn cứ ban hành QĐGQKN bổ sung 2608: Tại điểm h khoản 2 Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011 quy định: *“...Trường hợp khiếu nại là đúng hoặc đúng một phần thì yêu cầu người có quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định hành chính, chấm dứt hành vi hành chính bị khiếu nại ...”*, do đó tại Điều 2 của QĐGQKN 1520 đã yêu cầu Chủ tịch UBND xã H căn cứ các quy định của pháp luật ban hành Quyết định hủy bỏ Quyết định số 108 và hồ sơ liên quan đến việc giao đất thanh lý tại khu UBND xã H cũ cho ông Lê Công Đ. Tuy nhiên QĐGQKN 1520 chưa giải quyết nội dung khiếu nại của ông Lê Công M đối với QĐGQKN số 04 của Chủ tịch UBND xã H, do đó tại Quyết định số 2608 của Chủ tịch UBND huyện đã bổ sung thêm nội dung *“Chủ tịch UBND xã H ban hành QĐGQKN số 04 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Công Đ và ông Lê Công M là không đúng”* và yêu cầu Chủ tịch UBND xã ban hành Quyết định hủy bỏ toàn bộ QĐGQKN số 04 là đúng và phù hợp quy định của Luật giải quyết khiếu nại 2011.

[5] Về nội dung ông Lê Công M yêu cầu hủy bỏ Phiếu thu tiền, Sơ đồ khu đất, Biên bản giao đất do UBND xã H đã lập mang tên ông Lê Công Đ, thấy rằng: Việc UBND xã H ban hành Quyết định 108 để hủy bỏ hồ sơ liên quan đến việc giao đất cho ông Lê Công B có căn cứ, do đó việc UBND xã lập lại Phiếu thu tiền, Sơ đồ khu đất và Biên bản giao đất mang tên ông Lê Công Đ là không hợp lệ. Tại QĐGQKN số 1520 của Chủ tịch UBND huyện đã *“yêu cầu Chủ tịch UBND xã H căn cứ các quy định của pháp luật ban hành Quyết định hủy bỏ Quyết định số 108 và hồ sơ liên quan đến việc giao đất thanh lý tại khu UBND xã H cũ cho ông Lê Công Đ”* là đúng. Ngày 23/4/2018, UBND xã H đã ban hành Quyết định số 50 về việc hủy bỏ Quyết định 108, nhưng hiện nay UBND xã H vẫn chưa hủy bỏ Phiếu thu, Sơ đồ khu đất và Biên bản giao đất mang tên ông Lê Công Đ là chấp hành chưa đúng, chưa đầy đủ QĐGQKN 1520. Hành vi của UBND xã H lập Phiếu thu, Sơ đồ khu đất và Biên bản giao đất mang tên ông Lê Công Đ khi chưa có sự thỏa thuận

của ông Lê Công B là trái pháp luật, do đó yêu cầu của ông Lê Công M có cơ sở chấp nhận.

[6] Về nội dung ông Lê Công M yêu cầu Tòa án hủy một phần tại Điều 1 của QĐGQKN 1520, Đthời yêu cầu công nhận Phiếu thu tiền, Sơ đồ khu đất, Biên bản giao đất mang tên bố ông là duy nhất và hợp pháp, thấy rằng: Trong vụ án này, giữa các tài liệu, chứng cứ và bản thân các nhân chứng là anh em, người nhà do các bên xuất trình có rất nhiều mâu thuẫn. Tuy nhiên việc giải quyết tranh chấp ai là người bỏ tiền ra mua khu đất thanh lý của UBND xã H cũ không thuộc thẩm quyền giải quyết của vụ án hành chính, mà trong vụ án này, Hội Đ xét xử chỉ xem xét về thẩm quyền, trình tự thủ tục và tính có căn cứ của Quyết định hành chính số 108 của UBND xã H. Tại Điều 1 của QĐGQKN 1520 đã nêu: *“Việc giải quyết tranh chấp ai là người nộp số tiền 15.000.000đ mua đất trái thẩm quyền khu vực UBND xã H cũ giữa ông Lê Công Đ và những người thừa kế của ông Lê Công B thuộc thẩm quyền của TAND theo quy định của pháp luật dân sự”*, QĐGQKN 1520 hướng dẫn như trên là đúng. Do đó giành quyền cho các bên được giải quyết tranh chấp với nhau bằng vụ án dân sự khác, sau đó các bên mới có căn cứ yêu cầu UBND huyện T công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[7] Xem xét các yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngày 16/10/2018, ông Lê Công Đ có đơn yêu cầu Tòa án hủy Quyết định QĐGQKN số 1520 và Quyết định số 2608 của Chủ tịch UBND huyện T; hủy Quyết định số 50 của UBND xã H về việc hủy bỏ Quyết định 108 và Quyết định số 55 về việc hủy bỏ QĐGQKN số 04. Ông Đ đã thực hiện nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nên cần được xem xét để đảm bảo việc giải quyết triệt để trong vụ án.

[7.1] Về thời hiệu khiếu nại: Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Công Đ cho rằng ông Lê Công Đ, ông Lê Công M không có quyền khiếu nại Quyết định 108 vì thời hiệu khiếu nại đã hết. Hội Đ xét xử sơ thẩm thấy rằng: Tại phiên đối thoại ngày 04/6/2018, Chủ tịch UBND xã H trình bày, hiện nay UBND xã không lưu giữ Quyết định 108 mà do ông Đ cung cấp khi giải quyết tranh chấp. Về hồ sơ liên quan đến việc thanh lý khu đất như Biên bản khảo sát, Tờ trình vẫn được lưu giữ tại Ủy ban, nhưng Quyết định 108 tại mục “Nơi nhận” được gửi cho ông B; ông Đ; Lưu VPUBND và gửi cán bộ chuyên môn lại không được lưu giữ là không phù hợp (BL113,114,121). Mặt khác, Quyết định 108 mâu thuẫn với ý chí của ông B thể hiện tại Biên bản họp gia đình ngày 26/11/2000, nhưng UBND xã H không chứng M được khi còn sống ông B đã được nhận Quyết định này. Do đó sau khi ông B chết, ông M, ông D là con của ông B có quyền khiếu nại và được Chủ tịch UBND xã H giải quyết khiếu nại lần đầu bằng QĐGQKN số 04, được Chủ tịch UBND huyện T giải quyết khiếu nại lần 2 bằng QĐGQKN số 1520 là đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật khiếu nại. Sau khi nhận QĐGQKN lần 2, ông Đ, ông M không Đ ý vẫn có quyền khởi kiện vụ án hành chính và thời hiệu khởi kiện được xác định theo điểm a khoản 3 Điều 116 Luật TTHC.

[7.2] Về nội dung, căn cứ ban hành QĐGQKN 1520 và Quyết định 2608 của Chủ tịch UBND huyện T đã được Hội Xét xử nhận định tại mục [3.2] và mục [4], các Quyết định nêu trên được ban hành có căn cứ, đúng pháp luật do đó việc ông Lê Công Đệ yêu cầu hủy không có căn cứ chấp nhận.

[7.3] Về nội dung ông Lê Công Đệ yêu cầu hủy Quyết định số 50 và Quyết định số 55 của UBND xã H, thấy rằng: Việc Chủ tịch UBND huyện T ban hành QĐGQKN số 1520 và Quyết định số 2608 là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục và có căn cứ, theo đó UBND xã H đã ban hành Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 hủy bỏ Quyết định số 108 là đúng. Tuy nhiên, việc UBND xã H ban hành Quyết định số 55 để hủy bỏ QĐGQKN số 04 là vi phạm về hình thức, vì việc hủy bỏ QĐGQKN 04 là thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã H, song nội dung đã ban hành là đúng nên không cần thiết phải hủy bỏ. Chủ tịch UBND xã H cần rút kinh nghiệm.

[8] Về án phí: Đơn khởi kiện của ông Lê Công M được chấp nhận một phần nên ông không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm. Đơn yêu cầu độc lập của ông Lê Công Đệ không được chấp nhận nên ông phải nộp án phí. UBND xã H bị tuyên bố hành vi hành chính trái pháp luật nên phải nộp án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ: Điều 9; Điều 17; Điều 18; điểm h khoản 2 Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011.

1. Đình chỉ giải quyết một phần đơn khởi kiện của ông Lê Công M về yêu cầu hủy Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 27/11/2000 của UBND xã H và yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 04/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của Chủ tịch UBND xã H.

2. Bác đơn khởi kiện của ông Lê Công M yêu cầu hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 1520/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện T.

3. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Lê Công M:

Tuyên bố hành vi của UBND xã H về việc lập Phiếu thu, Sơ đồ khu đất thanh lý, Biên bản giao đất ở mang tên ông Lê Công Đ là trái pháp luật. Hủy Phiếu thu số 46 đề ngày 24/11/2000; Sơ đồ khu đất thanh lý đề ngày 25/12/2000 và Biên bản giao đất ở đề ngày 25/12/2000 do UBND xã H, huyện T đã lập mang tên ông Lê Công Đ.

4. Bác đơn yêu cầu độc lập của ông Lê Công Đ về các nội dung:

- Hủy Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của ông Lê Công Đ và ông Lê Công M;

- Hủy Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 của UBND xã H về việc hủy bỏ Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 27/11/2000 của UBND xã H;

- Hủy Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của Chủ tịch UBND huyện T về việc bổ sung một số nội dung của Quyết định giải quyết khiếu nại số 1520/QĐ-UBND ngày 19/3/2018;

- Hủy Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của UBND xã H về việc hủy bỏ Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của Chủ tịch UBND xã H giải quyết đơn khiếu nại của ông Lê Công D và ông Lê Công M.

5. Giành quyền cho các con của ông Lê Công B và ông Lê Công Đ được khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về việc ai là người nộp số tiền 15.000.000đ mua khu đất thanh lý Trụ sở UBND xã H cũ trong vụ án dân sự khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Án phí hành chính sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

UBND xã H phải nộp 300.000đ; ông Lê Công Đ phải nộp 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0004358 ngày 19/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Án xử công khai sơ thẩm, Ông Lê Công M, ông Lê Công D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chủ tịch UBND huyện T, Chủ tịch UBND và UBND xã H, ông Lê Công Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Luật tố tụng hành chính./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Hóa;
- UBND tỉnh T.Hóa;
- Cục THADS tỉnh T.Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Chinh